TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2023/DS-ST
Ngày: 04 - 8 - 2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thị Thanh Huệ
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Phượng
2. Ông Trương Văn Phúc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thu Trúc - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa***: Bà Ngô Thị Mỹ Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 191/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023, về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 231/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1969
Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.
2. Bị đơn: Ông Cao Thủ Th, sinh năm 1964
Bà Trần Thị P, sinh năm 1964
Cùng địa chỉ: ấp B, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.
Tại phiên tòa ông Tùng, ông Thym và bà Phượng đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết với nhau vào ngày 25/10/2022, vợ chồng ông Cao Thủ Th và bà Trần Thị P có vay của ông Tùng số tiền là 140.000.000 đồng, ông Thym và bà Phượng vay tiền để trả nợ ngân hàng đến hạn và cho con đi hợp tác lao động nước ngoài, hình thức vay là bà Phượng có viết biên nhận ngày 25/10/2022

trong biên nhận không ghi thời hạn vay, tuy nhiên hai bên thỏa thuận bên ngoài là thời gian vay là 03 tháng, không có tính tiền lãi.

Về tài liệu chứng cứ nguyên đơn nộp để làm căn cứ khởi kiện: bản chính biên nhận ngày 25/10/2022, thể hiện nội dung "Hôm nay ngày 25/10/2022, chị Út Thym có mượn của chú Tùng số tiền là 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn) có chữ ký của Trần Thị P và Cao Thủ Th". Biên nhận này nguyên đơn cho rằng là do bà Phượng viết và ký tên, còn chữ ký và ghi tên Cao Thủ Th là do ông Thym ký tên và viết tên.

Tuy nhiên, đã hết thời hạn vay theo thỏa thuận ông Tùng nhiều lần yêu cầu cho vợ chồng ông Thym và bà Phượng trả nợ, nhưng ông Thym và bà Phượng cho rằng hiện tại chưa có khả năng trả nợ. Từ đó, Tùng khởi kiện yêu cầu ông Thym và bà Phượng có nghĩa vụ trả cho ông Tùng số tiền nợ vay là 140.000.000 đồng và có yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất của ngân hàng từ ngày 25/10/2022 đến ngày 17/4/2023 với số tiền là 6.300.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án Tùng có ý kiến xác định lại yêu cầu khởi kiện là ông Tùng chỉ yêu cầu ông Thym và bà Phượng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ vay là 140.000.000 đồng, trả một lần, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, ông Tùng có ý kiến không thừa nhận số tiền nợ vay 140.000.000 đồng ngày 25/10/2022 (trong đó có số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng, lãi suất 7,5%/ tháng, nợ lãi 80.000.000 đồng) như lời trình bày của ông Thym và bà Phượng tại biên bản của Tòa án lập ngày 18/7/2023.

Ông Tùng có có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, trong nội dung đơn có yêu cầu ông Thym và bà Phượng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ vay là 140.000.000 đồng, trả một lần, không yêu cầu tính lãi.

Đối với bị đơn là ông Cao Thủ Th và bà Trần Thị P tại biên bản nghi nhận ghi nhận ý kiến của Tòa án lập ngày 18/7/2023 bị đơn trình bày:

Ông Thym và bà Phượng là vợ chồng hợp pháp, ông bà thừa nhận hiện tại còn nợ ông Tùng số tiền vay 140.000.000 đồng theo biên nhận ngày 25/10/2022, biên nhận này là do bà Phượng viết, ký tên và chữ ký và ghi tên Cao Thủ Th là do ông Thym ký tên và viết tên. Tuy nhiên, ông Thym và bà Phượng cho rằng số tiền nợ vay 140.000.000 đồng xuất phát từ số tiền nợ gốc ông bà đã vay 02 lần với số tiền là 60.000.000 đồng, thời điểm vay của từng lần không nhớ, lãi suất khi vay là 7,5%/ tháng, các lần vay, mức lãi thỏa thuận khi vay hai bên đều không có làm giấy tờ. Đến ngày 25/10/2022 còn nợ tiền lãi của ông Tùng là 80.000.000 đồng, chưa trả nợ gốc là 60.000.000 đồng, cộng chung là 140.000.000 đồng. Bà Phượng đã viết biên nhận ngày 25/10/2022 còn nợ ông Tùng số tiền 140.000.000 đồng, nhưng trong biên nhận không có ghi từng khoản cụ thể về khoản nợ gốc và khoản nợ lãi, ông bà cho rằng chỉ trình bày không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh. Do ông Tùng chỉ yêu cầu ông Thym và bà Phượng trả số tiền 140.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi tiếp, nên ông bà cũng không yêu cầu xem xét lại số tiền lãi 80.000.000 đồng nhập chung vào tiền gốc. Hiện tại ông bà thừa nhận còn nợ

ông Tùng số tiền nợ vay 140.000.000 đồng nhưng không có khả năng trả nợ, ông bà có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Việc chấp hành luật tố tụng của nguyên đơn: Nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các điều 70, 71 Bộ Luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Việc chấp hành luật tố tụng của bị đơn: Bị đơn không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Ngày 18/7/2023 ông Thym và bà Phượng có yêu cầu xét xử vắng mặt, phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T.

Buộc ông Cao Thủ Th và bà Trần Thị P có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền nợ vay là 140.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Cao Thủ Th và bà Trần Thị P có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay. Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của ông Tùng xác định vụ án có quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Cao Thủ Th và bà Trần Thị P là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Bến Đò, xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn và bị đơn đều có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Nguyễn Thanh T khởi kiện yêu cầu ông Cao Thủ Th và bà Trần Thị P có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền nợ vay là 140.000.000 đồng, trả một lần, không yêu cầu tính lãi.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn bà Thym và bà Phượng thừa nhận còn nợ của nguyên đơn số tiền vay 140.000.000 đồng, thừa nhận chứng cứ do nguyên đơn cung cấp biên nhận ngày 25/10/2022 là do bà Phượng viết và ký tên còn chữ ký và ghi Cao Thủ Th là do ông Thym ký tên và viết tên.

Đối với ý kiến của bị đơn cho rằng số tiền nợ vay 140.000.000 đồng ngày 25/10/2022 của nguyên đơn (trong đó có số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng, lãi suất 7,5 %/ tháng, nợ lãi 80.000.000 đồng) tuy nhiên nguyên đơn không thừa nhận lời trình bày này của bị đơn và bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bị đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Bị đơn thừa nhận còn nợ của nguyên đơn số tiền vay 140.000.000 đồng, việc thừa nhận nợ của bị đơn là chứng cứ để xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ vay là 140.000.000 đồng. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do bị đơn ông Thym và bà Phượng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ông Thym và bà Phượng cùng xác định ông bà là vợ chồng hợp pháp, đồng thời ông Thym và bà Phượng cùng ký tên vào biên nhận ngày 25/10/2022 và thừa nhận còn nợ ông Tùng số là 140.000.000 đồng nên yêu cầu khởi kiện của ông Tùng là có căn cứ, cần buộc ông Thym và bà Phượng có nghĩa liên đới trả cho ông Tùng số tiền 140.000.000 đồng.

[2.2] Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi của khoản nợ vay, bị đơn cũng không yêu cầu xem xét lại khoản tiền lãi theo lời trình bày của bị đơn nên Hội đồng xét xử không phải xem xét.

[3] Phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và ý kiến đề nghị về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tùng được chấp nhận nên ông Thym và bà Phượng phải liên đới chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền là 140.000.000 đồng x 5% = 7.000.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Tùng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T.

Buộc ông Cao Thủ Th và bà Trần Thị P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền nợ vay là 140.000.000 (một trăm bốn mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, thì hàng tháng bên phải

thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Buộc bà ông Cao Thủ Th và bà Trần Thị P có nghĩa vụ liên đới phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 7.000.000 (bảy triệu) đồng.

Ông Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí ông Tùng đã nộp là 3.657.000 (ba triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003487 ngày 04/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thanh Huệ

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Huệ

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thanh Huệ